

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/DS-ST

Ngày: 28-10-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Viết Phúc.

Ông Thạch Tân Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H (Tên thường gọi: D), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 82, Ô 2, Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 27/10/2022).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Đ (Tên thường gọi: Trần Thị Đ1), sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và người đại diện theo uỷ quyền của chị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên chị H có cho bà Trần Thị Đ mượn tiền trong 02 lần:

Ngày 25/5/2021, bà Đ mượn 226.410.000 đồng.

Ngày 25/8/2021, bà Đ tiếp tục mượn số tiền 266.310.000 đồng.

Tổng cộng bà Đ đã mượn 492.720.000 đồng. Khi mượn, bà Đ có viết biên nhận cho chị H. Do bà Đ có tên thường gọi là “Trần Thị Đ1”, nên tên và chữ ký trong biên nhận đều thể hiện là “Trần Thị Đ1”, đồng thời chị H có tên thường gọi là “D” nên trong biên nhận ngày 25/5/2021 đã thể hiện tên “D” mà không phải là “H”. Ngoài ra, khi cho mượn tiền, hai bên không thoả thuận lãi suất và thời gian trả tiền cụ thể, mà chỉ thoả thuận khi nào chị H cần tiền thì bà Đ sẽ trả tiền cho chị H. Tuy nhiên, khi chị H cần và nhiều lần yêu cầu bà Đ trả tiền nhưng bà Đ đều không thực hiện. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu bà Đ trả cho chị H số tiền nợ vốn là 492.720.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng của số tiền nợ vốn tính từ ngày 25/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện là 07 tháng với số tiền lãi là 28.627.032 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời chị H yêu cầu bà Đ trả lại cho chị H toàn bộ chi phí giám định theo quy định.

Ngoài ra, chị H không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tường trình và quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà Đ chỉ thừa nhận văn bản ngày 25/8/2021 là do bà viết cho chị H. Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H bà Đ chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 45.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, bà Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Trong quá trình tố tụng, do bà Đ không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong văn bản ngày 25/5/2021 do chị H giao nộp nên chị H đã có đơn yêu cầu Toà án ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết trong văn bản này. Theo Kết luận giám định số 821/KL-KTHS(Đ2) ngày 15/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang đã kết luận “Chữ ký dạng chữ viết “Đ1” và chữ viết họ tên “Trần Thị Đ1” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký

dạng chữ viết “Đ1” và chữ viết họ tên “Trần Thị Đ1” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra”.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền vốn 492.720.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bà Đ phải trả tiền lãi phát sinh và chi phí giám định. Bị đơn bà Đ giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đ phải trả cho chị H số tiền 492.720.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H:

[2.1] Về yêu cầu trả vốn: Chị H yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ gốc là 492.720.000 đồng xuất phát từ hợp đồng vay giữa hai bên. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị H đã giao nộp Bản chính 02 văn bản lần lượt ngày 25/5/2021 và 25/8/2021 được viết trên giấy tập học sinh. Văn bản ngày 25/5/2021 thể hiện nội dung “*ngày 25 tháng 5 năm 2021 Tôi tên Đó thiếu cháu D số tiền là 226.410.000, hai trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn*”. Văn bản ngày 25/8/2021 thể hiện nội dung “*hôm nay ngày 25 tháng 8 năm hai ngàn 21 Tôi tên Trần Thị Đ1 có mượn của cháu Nguyễn Thị Ngọc H số tiền là 266.310.000 số tiền hai trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm mười ngàn đồng*”. Cuối cả 02 văn bản đều có chữ ký và chữ viết mang tên “Trần Thị Đ1”. Bà Đ chỉ thừa nhận nội D và chữ viết, chữ ký trong văn bản ngày 25/8/2021 là do bà viết và ký tên vào, đồng thời thừa nhận tên thường gọi của bà là “Trần Thị Đ1” và tên thường gọi của chị H là “D”. Tuy nhiên, bà Đ không thừa nhận chữ viết

và chữ ký trong văn bản ngày 25/5/2021 là của bà. Mặc dù vậy, theo Kết luận Giám định số 821/KL-KTHS(Đ2) ngày 15/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang đã kết luận “Chữ ký dạng chữ viết “Đó” và chữ viết họ tên “Trần Thị Đ1” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết “Đó” và chữ viết họ tên “Trần Thị Đ1” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra”. Ngoài ra, mặc dù nội D biên nhận có sai sót về lỗi chính tả nhưng đã thể hiện rõ nội D bà Trần Thị Đ1 có vay của chị H số tiền 226.410.000 đồng và 266.310.000 đồng, tổng cộng 492.720.000 đồng. Bà Đ phủ nhận việc bà vay mượn của chị H số tiền 492.720.000 đồng, đồng thời cho rằng bà bị chị H ép buộc viết văn bản. Tuy nhiên, bà Đ không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà. Mặt khác, bà Đ thừa nhận kể từ khi xác lập văn bản cho chị H cho đến khi xét xử, bà vẫn chưa trả cho chị H được khoản tiền nào. Do đó, chị H yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ gốc 492.720.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi: Chị H cho rằng khi cho bà Đ mượn tiền, hai bên không thỏa thuận lãi suất và không hẹn thời gian trả. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay không có lãi và không kỳ hạn nên lãi suất và thời gian chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Chị H yêu cầu áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp. Riêng thời gian tính lãi chị H yêu cầu từ ngày 25/8/2021 không phù hợp. Bởi vì, do là hợp đồng vay không kỳ hạn nên việc tính lãi suất và thời gian chậm trả nợ gốc cần xác định “thời gian hợp lý” cho việc thông báo trả nợ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP. Chị H không chứng minh được việc chị đã thông báo cho bà Đ về việc yêu cầu thanh toán nợ, nên Hội đồng xét xử xác định ngày 13/4/2022 là ngày bà Đ được thông báo (Ngày bà Đ nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông), “thời gian hợp lý” 03 tháng là đến hết ngày 14/7/2022. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của chị H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Đ thanh toán nợ gốc và không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà Đ yêu cầu được trả dần số nợ 45.000.000 đồng bằng cách trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được chị H đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa

vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc bà Đ chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, việc chị H yêu cầu bà Đ thực hiện việc trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Toàn bộ chi phí giám định do chị H tạm ứng. Kết quả giám định chứng minh cho yêu cầu của chị H là có căn cứ. Tuy nhiên, chị H không yêu cầu bà Đ phải thanh toán lại chi phí này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà Đ là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H

Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 492.720.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Bà Trần Thị Đ được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.580.000 đồng, theo biên lai thu số 0008180 ngày 01/4/2022 và 847.000 đồng theo biên lai thu số 0008273 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm